Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 3: PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ CÁC SỐ TỰ NHIÊN (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Hiểu được ý nghĩa các phép tính cộng và phép tính trừ.
- Làm được các phép tính cộng, phép tính trừ trong tập hợp các số tự nhiên.
- Thực hiện đúng thứ tự các phép tính.

2. Năng lực

Năng lực riêng:

- Vận dụng được các tính chất của phép cộng, phép trừ để tính toán, tính nhanh, tính nhẩm một cách hợp lí và giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn.

Năng lực chung: Năng lực mô hình hóa toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

3. Phẩm chất

- Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.
- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1 - GV: SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT, Bảng tính chát của phép cộng để trống cột kí hiệu; Bản đồ mô tả hành trình đi tù Hà Nội đến TP Hồ Chí Minh.

2 - HS : SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập, bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a) Mục tiêu:

- HS thấy nhu cầu của việc sử dụng các phép tính trong các tình huống thực tế.

- Gợi tâm thế, tạo hứng thú học tập.

b) Nội dung: HS thực hiện các yêu cầu dươi sự hướng dẫn của GV.

c) Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi mở đầu.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV đặt vấn đề qua bài toán mở đầu : " *Quãng đường từ Hà Nội đến Huế dài khoảng 658km. Quãng đường từ Huế đến TP.HCM dài hơn quãng đường từ Hà Nội đến Huế khoảng 394km. Hỏi quãng đường từ Hà Nội đến TP. Hồ Chí Minh dài khoảng bao nhiêu ki lô mét?*"

+ GV chiếu slide bản đồ minh họa cho bài toán, phân tích, hướng dẫn HS và yêu cầu HS trao đổi, thảo luận và nêu phép tính.

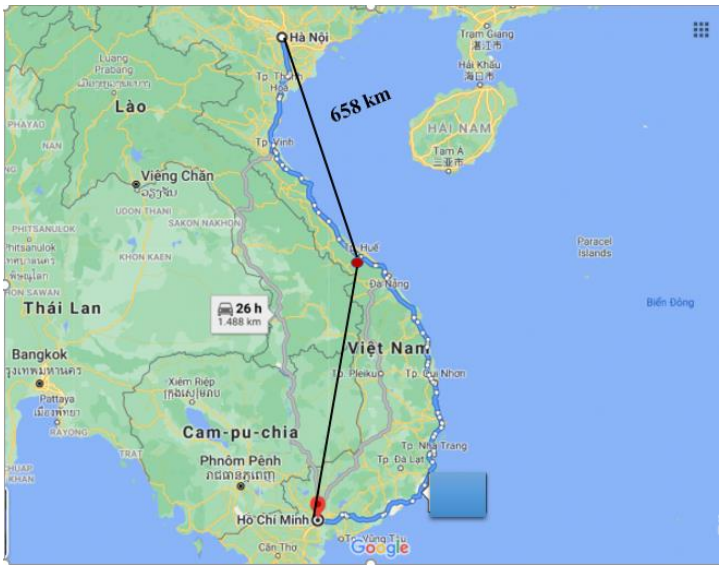

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: "Để giải được bài toán trên, cũng như hiểu rõ hơn về các tính chất của phép cộng, phép trừ, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay" => Bài mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Phép cộng số tự nhiên

a) Mục tiêu:

- Giúp HS nhớ, nhận biết lại khái niệm số hạng, tổng và sử dụng được.

- Kiểm tra khả năng vận dụng phép cộng của HS.

- Giúp HS hình thành thói quen quan sát, lập kế hoạch tính toán hợp lí.

b) Nội dung:

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HĐ CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV cho HS phát biểu về khái niệm cộng hai số tự nhiên. - GV trình bày: Ở tiểu học, ta đã biết phép cộng các số tự nhiên: 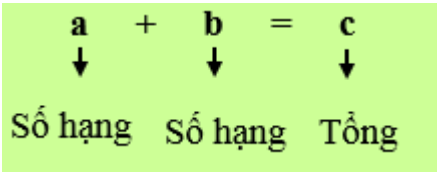 - GV hướng dẫn HS ôn lại các tính chất cơ bản của phép cộng mà HS đã được học ở tiểu học và tổng kết lại: + GV chia lớp thành 4 nhóm, chiếu Slide và phân công các nhóm thực hiện hoàn thành nhiệm vụ vào bảng nhóm. Nhóm 1 + 3: Thực hiện **Nhiệm vụ 1**. Nhóm 2 + 4: Thực hiện **Nhiệm vụ 2**. **Nhiệm vụ 1:** Cho a = 35 và b = 41 a) Tính a + b và b + a b) So sánh kết quả nhận được ở câu a)	**1. Phép cộng** ***Hoạt động:*** + *Tính chất giao hoán:* Khi đổi chỗ các số hạng trong một tổng thì tổng không thay đổi. Kí hiệu: **a + b = b + a** + *Tính chất kết hợp*: Muốn cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và số thứ ba. Kí hiệu: **(a + b) + c = a + (b + c)** + *Tính chất cộng với số 0*: Bất kì số nào cộng với số 0 cũng bằng chính nó. Kí hiệu: **a + 0 = 0 + a = a**

Nhiệm vụ 2: Cho a = 15, b = 27, c = 31

a) Tính (a + b) + c và a + (b + c)

b) So sánh kết quả nhận được ở câu a).

+ GV đặt câu hỏi: Các kết quả cho thấy phép cộng có những tính chất nào? (GV lưu ý trình bày cho HS tính chất cộng với số 0)

- GV cho HS đọc nội dung trong SGK, yêu cầu HS thực hiện ***Hoạt động***:

Hãy nêu các tính chất của phép cộng các số tự nhiên.

- GV cho HS đọc khung kiến thức trọng tâm và ghi nhớ.

- GV chiếu Slide, hướng dẫn HS cụ thể phần kiến thức trọng tâm bằng bảng thông qua phát biểu bằng lời và yêu cầu HS lên bảng hoàn thành biểu thức đại số của mỗi tính chất.

Tính chất	Phát biểu	Kí hiệu
Giao hoán	*Khi đổi chỗ các số hạng trong một tổng thì tổng không thay đổi.*	
Kết hợp	*Muốn cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và số thứ 3.*	
Cộng với số 0	*Bất kì số nào cộng với 0 cũng bằng chính nó.*	

Ví dụ:

a) 58 + 76 + 42

= 58 + 42 + 76 (t/c giao hoán)

= (58 + 42) + 76 (t/c kết hợp)

= 100 + 76 = 176

b) 66 + 34 + 27

= (66 + 34) + 27 (t/c kết hợp)

= 100 + 27 = 127

Luyện tập 1:

Số tiền mẹ An đã mua đồng phục cho An là:

125000 + 140000 + 160000

= 125000 +(140000+ 160000)

= 125000 + 300000

= 425000 (đồng)

- GV cho HS đọc nội dung trong phần kiến thức bổ sung ở khung lưu ý: Dựa vào tính chất kết hợp của phép cộng nên giá trị của biểu thức a + b + c được tính theo một trong hai cách như sau: $a + b + c = (a + b) + c$ hoặc $a + b + c = a + (b + c)$. - GV cho HS đọc Ví dụ 1 và thực hiện bài tập tương tự: *Tính một cách hợp lí:* *a) 58 + 76 + 42* *b) 66 + 34 + 27* - GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận cặp đôi và hoàn thành ***Luyện tập 1*** vào vở. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu, thảo luận, trao đổi và hoàn thành các yêu cầu. - GV: quan sát và trợ giúp HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - Hoạt động nhóm: Các nhóm treo bảng, đại diện các nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác chú ý nghe, nhận xét, bổ sung. - Cá nhân: giơ tay phát biểu trình bày bảng.	

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV tổng quát, nhận xét quá trình hoạt động của các HS, cho HS nhắc lại các tính chất của phép cộng.	

Hoạt động 2: Phép trừ

a) Mục tiêu:

- Giúp HS nhớ, nhận biết lại và sử dụng được các thuật ngữ: số bị trừ, số trừ, hiệu.
- Giải quyết được bài toán liên quan đến phép trừ (HS luyện tập, vận dụng quy tắc chuyển đổi từ phép cộng sang phép trừ.)

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nhắc lại các khái niệm liên quan đến phép trừ, đó là: số bị trừ, số trừ, hiệu và điều kiện để thực hiện được phép trừ, đó là số bị trừ không nhỏ hơn số trừ: a - b = c ↓ ↓ ↓ Số bi trừ Số trừ Hiệu **ĐK: a ≥ b**	**II. Phép trừ** - Phép trừ một số tự nhiên cho một số tự nhiên nhỏ hơn hoặc bằng nó: a - b = c ↓ ↓ ↓ Số bi trừ Số trừ Hiệu **ĐK: a ≥ b** **** Lưu ý:*** • Nếu a – b = c thì a = b + c

- GV cho HS đọc và ghi nhớ trong phần kiến thức bổ sung ở khung lưu ý: Mối liên hệ giữa số bị trừ, số trừ, hiệu thông qua chuyển đổi phép toán từ hiệu sang tổng. GV hướng dẫn cho HS dùng kiến thức tiểu học: "*Muốn tìm số bị trừ, ta lấy số trừ cộng với hiệu*", " *Muốn tìm số trừ, ta lấy số bị trừ trừ cho hiệu*" từ đó phát biểu ngắn gọn bằng lời: "*Số bị trừ bằng số trừ cộng với hiệu*", " *Số trừ bằng số bị trừ trừ cho hiệu*", " *Số trừ bằng số bị trừ trừ cho hiệu*": • Nếu a – b = c thì a = b + c • Nếu a + b = c thì a = c – b và b = c – a. - GV yêu cầu HS đọc và trình bày Ví dụ 2. - GV yêu cầu HS đọc ví dụ 2, ghi nhớ lại những lưu ý của GV để hoàn thành bài ***Luyện tập 2***. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án. - GV: quan sát và trợ giúp HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày	• Nếu a + b = c thì a = c – b và b = c – a. ***Luyện tập 2:*** 124 + (118 - x) = 217 118 - x = 217 - 124 118 - x = 93 x = 118 - 93 x = 25

- Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn. **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

b) Nội dung: HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS	HOẠT ĐỘNG CỦA GV
LUYỆN TẬP ***Nhiệm vụ 1 : Hoàn thành BT1*** - GV tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận hoàn thành **BT1** theo nhóm vào bảng nhóm. (SGK - tr 16). - GV mời đại diện HS các nhóm trình bày. Các nhóm HS khác chú ý nhận xét bài các bạn trên bảng và hoàn thành vở. - GV chữa bài, lưu ý HS những lỗi sai.	**Bài 1 :** a) 127 + 39 + 73 = (127 + 73) + 39 = 200 + 39 = 239 b) 135 + 360 + 65 + 40 =(135+35)+(360+40) = 170 + 400 = 570 c) 417 – 17 - 299 = (417 – 17) – 299 = 101 d) 981 – 781 + 29 = (981-781) + 29 = 200 + 29 = 229 **Bài 2:**

Nhiệm vụ 2 : Hoàn thành BT2 - GV yêu cầu HS đọc đề và hoàn thành **BT2** theo mẫu sau đó hoạt động cặp đôi kiểm tra chéo đáp án. - GV mời 4 HS trình bày giơ tay trình bày bảng. - Các HS dưới lớp hoàn thành vở và chú ý nhận xét bài các bạn trên bảng. - GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các bạn ra kết quả chính xác. ***Nhiệm vụ 3 : Hoàn thành BT3*** - GV yêu cầu HS đọc đề và hoàn thành **BT3** theo mẫu sau đó hoạt động cặp đôi kiểm tra chéo đáp án. - GV mời 4 HS trình bày bảng. Các HS hoàn thành vở và chú ý nhận xét bài các bạn trên bảng. - GV chữa bài, chốt lại đáp án. **CỦNG CỐ - DẶN DÒ** - GV cần giúp HS chú ý sử dụng các tính chất cơ bản của phép cộng để thực hiện tính nhanh, tính chính xác.	a) 79 + 65 = (44 + 35) + 65 = 44 + (35 + 65) = 44 + 100 = 144 b) 996 + 45 = 996 + (4 + 41) = (996 + 4) + 41 = 1000 + 41 = 1041 c) 37 + 198 = (35 + 2) + 198 = 35 + (2 + 198) = 35 + 200 = 235 d) 3 492 + 319 = 3 492 + (8 + 311) = (3 492 + 8) + 311 = 3 500 + 311 = 3 811 **Bài 3 :** a) 321 - 96 = (321 + 4) - (96 + 4) = 325 - 100 = 225 b) 1 454 - 997 = (1 454 + 3) - (997 + 3) = 1 457 - 1000 = 457 c) 561 - 195 = (561 + 5) - (195 + 5) = 566 - 200 = 366 d) 2 572 - 994 = (2 572 + 6) - (994 + 6) = 2 578 - 1000 = 1 578

- GV nhấn mạnh cho HS chuyển đổi từ phép cộng sang phép trừ và ngược lại trong bài toán tìm x.	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

- Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức.

- HS thấy sự gần gũi toán học trong cuộc sống. HS biết thêm về địa danh của Việt Nam, biết thêm về những con số liên quan đến cơ thể con người.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV chiếu BT trắc nghiệm lên màn hình, yêu cầu HS hoàn thành nhanh :

Câu 1: Tính nhanh tổng 53 + 25 + 47 + 75?

A. 200 B. 201 C. 300 D. 100

Câu 2: Phép tính x - 5 thực hiện được khi

A. $x < 5$ B. $x \geq 5$ C. $x < 4$ D. $x = 3$

Câu 3: Cho phép tính 231 - 87. Chọn kết luận đúng?

A. 231 là số trừ B. 87 là số bị trừ

C. 231 là số bị trừ D. 87 là hiệu

Câu 4: Tính (368 + 764) - (363 + 759)

A. 10 B. 5 C. 20 D. 15

Câu 5: Tính nhanh 72 + 69 + 128

A. 279 B. 269 C. 369 D. 296

- HS thực hoàn thành nhanh BT, đưa ra đáp án trắc nghiệm :

Đáp án **: 1A – 2B – 3C – 4A – 5B**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
- Đánh giá thường xuyên: + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập. + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân. + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm (rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể)	- Phương pháp quan sát: + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học (ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,.. + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. - Phương pháp hỏi đáp	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận.	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ghi nhớ kiến thức trong bài.

- Hoàn thành các bài tập còn lại SGK (Bài 4, 5, 6)

- Chuẩn bị bài mới " **Phép nhân, phép chia các số tự nhiên**".